TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12 - 2025
V/v tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 545/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lã Mai Á, sinh năm 1978; CCCD số 096078008072 cấp ngày 16/8/2021; Cư trú tại: Ấp H, xã S, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1980; Cư trú tại: Ấp H, xã S, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lã Mai Á trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Lã Mai Á và bà Lâm Thị T chung sống với nhau vào năm 1997, không đăng ký kết hôn. Do ông Á thường xuyên uống rượu nên vợ chồng cự cãi, ông Á dùng tay tát vào mặt bà T hai lần. Những lần vợ chồng cự cãi đều được gia đình hai bên hoà giải nhưng không mang lại kết quả. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2023 đến nay, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với bà T nên ông Á yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Lã Mai S, sinh ngày 29/9/1998 và Lã Thị T1, sinh ngày 27/3/2000. Hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T để tham dự phiên tòa nhưng bà T không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T về các nội dung khởi kiện của ông Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lâm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về hôn nhân: Ông Lã Mai Á và bà Lâm Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Á và bà T.

[3] Về con chung: Ông Á xác định vợ chồng có hai người con chung tên Lã Mai S, sinh ngày 29/9/1998 và Lã Thị T1, sinh ngày 27/3/2000. Hiện các con chung đều đã thành niên, đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Á xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của bà T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Ông Á xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của bà T về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Á phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lã Mai Á.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lã Mai Á và bà Lâm Thị T.

- Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Ông Lã Mai Á phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Á đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001249 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lã Mai Á có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lâm Thị T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà